

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 68/2025/DS-ST

Ngày: 13/5/2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Quang Minh;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 742/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2015/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh H1, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 30/8/2023, bà H có cho ông H1, bà B vay số tiền 1.200.000.000 đồng. Mục đích vay là để lấy sổ trong ngân hàng. Việc vay tiền không có thời hạn, không có lãi xuất. Việc vay tiền có lập giấy mượn tiền do bà H viết, ông

H1, bà Bích tự ký tên, lặn tay. Sau đó, bà H nhiều lần liên hệ với ông H1, bà B yêu cầu trả lại tiền nhưng ông H1, bà B cứ hẹn hết lần này đến lần khác nhưng vẫn không trả.

Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu ông H1 và bà B liên đới thanh toán số tiền là 1.368.000.000 đồng, bao gồm tiền gốc là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/9/2023 đến ngày 03/11/2024, lãi 1%/tháng là 168.000.000 đồng.

Tại phiên hoà giải và tại phiên tòa, bà H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, bà H không yêu cầu ông H1, bà B trả lãi, chỉ yêu cầu ông H1, bà B thanh toán cho bà Hợp số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng.

Ngoài ra bà H không có ý kiến gì khác.

** Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông Nguyễn Minh H1 và bà Nguyễn Thị Ngọc B biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông H1, bà B vẫn vắng mặt không có lý do.*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã không chấp hành đúng, đầy đủ nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh H1 và bà Nguyễn Thị Ngọc B liên đới thanh toán số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 30/8/2023. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Minh H1 và bà Nguyễn Thị Ngọc B có nơi cư trú tại ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35

và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình tố tụng, ông H1, bà B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H1, bà B.

[2] Nội dung vụ án: Ngày 30/8/2023 bà H có cho ông H1, bà B vay số tiền 1.200.000.000 đồng. Mục đích vay là để lấy sổ trong ngân hàng. Việc vay tiền không có thời hạn, không có lãi suất. Việc vay tiền có lập giấy mượn tiền ngày 30/8/2023 do bà H viết, ông H1, bà Bích tự ký tên, lấn tay. Do nhiều lần bà H yêu cầu ông H1, bà B thanh toán tiền không được nên bà H khởi kiện. Nay bà H yêu cầu ông H1, bà B liên đới thanh toán số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chứng cứ bà H cung cấp là bản chính giấy mượn tiền ngày 30/8/2023 thể hiện chữ ký của ông H1, bà B vay số tiền 1.200.000.000 đồng, giấy vay không thể hiện thời hạn trả, không thể hiện lãi suất. Do đó đây là hợp đồng vay không có thời hạn và không thỏa thuận lãi suất. Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý, giấy triệu tập, bản sao giấy mượn tiền ngày 30/8/2023 cho bà B, ông H1 để bà B, ông H1 trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông H1, bà B không thực hiện. Điều này cho thấy bà B, ông H1 cố tình né tránh, không thực hiện nghĩa vụ đối với bà H. Nên bà H yêu cầu ông H1, bà B thanh toán số tiền 1.200.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa bà H rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 168.000.000 đồng, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông H1, bà B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Minh H1 và bà Nguyễn Thị Ngọc B.

Buộc ông Nguyễn Minh H1 và bà Nguyễn Thị Ngọc B có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hợp S tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng).

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H1, bà B không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông H1, bà B còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Minh H1 và bà Nguyễn Thị Ngọc B về số tiền lãi 168.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Minh H1 và bà Nguyễn Thị Ngọc B chịu 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng).

- H2 lại cho bà Nguyễn Thị H 26.520.000 đồng (hai mươi sáu triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007189 ngày 11/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/5/2025). Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh